

<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu - Cho học sinh tự làm - GV nhận xét, chữa bài. Yêu cầu HS giải thích tại sao <p>Bài 3: Cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu yêu cầu - Giáo viên cho học sinh tự làm bài - GV nhận xét, chữa bài. Yêu cầu HS giải thích <p>Phần 2:</p> <p>Bài 1: Cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS làm bài vào vở - Giáo viên gọi học sinh lên chia sẻ kết quả và nêu cách tính. - Giáo viên nhận xét kết luận <p>Bài 2: Cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu. - Yêu cầu HS làm bài - Nhận xét chữa bài. <p>Bài 3(M3,4): Cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS đọc bài và tự làm bài vào vở. - Gv quan sát, uốn nắn HS 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp đọc thầm - Học sinh làm bài rồi trả lời miệng. <p>Tỉ số % của cá chép và cá trong bể là: C. 80%</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu - Học sinh làm bài rồi trả lời miệng <p>2800g bằng: C. 2,8 kg</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt tính rồi tính. - Học sinh tự đặt tính rồi tính kết quả. - HS chia sẻ kết quả <table style="margin-left: 20px;"> <tr> <td>a)</td> <td>b)</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">39,72</td> <td style="text-align: right;">95,64</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">+</td> <td style="text-align: right;">-</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">46,78</td> <td style="text-align: right;">27,35</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">-----</td> <td style="text-align: right;">-----</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">85,90</td> <td style="text-align: right;">67,29</td> </tr> </table> <table style="margin-left: 20px; margin-top: 10px;"> <tr> <td>a) 31,05</td> <td>d) 77,5</td> <td style="border-left: 1px solid black; padding-left: 5px;">2,5</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">× 2,6</td> <td style="text-align: right;">025</td> <td style="border-left: 1px solid black; padding-left: 5px;">31</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">-----</td> <td style="text-align: right;">0</td> <td style="border-left: 1px solid black; padding-left: 5px;"></td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">18630</td> <td></td> <td style="border-left: 1px solid black; padding-left: 5px;"></td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">+ 6210</td> <td></td> <td style="border-left: 1px solid black; padding-left: 5px;"></td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">-----</td> <td></td> <td style="border-left: 1px solid black; padding-left: 5px;"></td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">80,730</td> <td></td> <td style="border-left: 1px solid black; padding-left: 5px;"></td> </tr> </table> <ul style="list-style-type: none"> - Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm - 1 Học sinh làm bài vào vở, chia sẻ kết quả <p>a) 8 m 5 dm = ... m b) 8 m² 5 dm² = 8,05 m²</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tự làm bài vào vở, báo cáo kết quả <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Chiều rộng của hình chữ nhật là: 15 + 25 = 40(m)</p> <p>Chiều dài của hình chữ nhật là: 2400 : 40 = 60(m)</p> <p>Diện tích hình tam giác MDC là: 60 x 25 : 2 = 750(m²)</p> <p style="text-align: right;">Đáp số: 750m²</p>	a)	b)	39,72	95,64	+	-	46,78	27,35	-----	-----	85,90	67,29	a) 31,05	d) 77,5	2,5	× 2,6	025	31	-----	0		18630			+ 6210			-----			80,730		
a)	b)																																	
39,72	95,64																																	
+	-																																	
46,78	27,35																																	
-----	-----																																	
85,90	67,29																																	
a) 31,05	d) 77,5	2,5																																
× 2,6	025	31																																
-----	0																																	
18630																																		
+ 6210																																		

80,730																																		
<p>3.Hoạt động ứng dụng:(2 phút)</p>																																		
<ul style="list-style-type: none"> - Tìm tỉ số phần trăm của 19 và 25 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tính: <p>Tỉ số phần trăm của 19 và 25 là: 19 : 25 = 0,76 0,76 = 76%</p>																																	

4. Hoạt động sáng tạo: (1 phút)

- Về nhà tính tỉ lệ phần trăm giữa số học sinh nữ và số học sinh nam của lớp em.

- HS nghe và thực hiện

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

*Tiếng Việt***ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1 (Tiết 5)****I. MỤC TIÊU:**

1. Kiến thức: Viết được lá thư gửi người thân đang ở xa kể lại kết quả học tập, rèn luyện của bản thân trong HKI, đủ 3 phần (phần đầu thư, phần chính và phần cuối thư), đủ nội dung cần thiết .

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng viết thư cho người thân.

3. Thái độ: Yêu quý, trân trọng tình cảm gia đình.

4. Năng lực:

- **Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.**

- **Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.**

II. CHUẨN BỊ:**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, giấy viết thư.

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở viết

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, kỹ thuật trình bày một phút, động não.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động:(3 phút)	
- Cho HS hát - Cho HS nêu bố cục của một bức thư - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS hát - HS nêu - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút) * <i>Mục tiêu:</i> Viết được lá thư gửi người thân đang ở xa kể lại kết quả học tập, rèn luyện của bản thân trong HKI, đủ 3 phần (phần đầu thư, phần chính và phần cuối thư), đủ nội dung cần thiết . * <i>Cách tiến hành:</i>	
- Một vài học sinh đọc yêu cầu bài - Đề bài yêu cầu làm gì? - Yêu cầu HS đọc gợi ý. - GV lưu ý HS: viết chân thực, kể đúng	- Cả lớp theo dõi trong SGK. - HS nêu - 2 HS đọc

những thành tích cố gắng của em trong học kì I vừa qua, thể hiện được tình cảm với người thân. - Yêu cầu HS làm bài - Trình bày kết quả - GV nhận xét	- Học sinh viết thư. - Học sinh nối tiếp đọc lại thư đã viết. - HS khác nhận xét
3. Hoạt động ứng dụng: (2 phút)	
- Cấu tạo một bức thư gồm mấy phần ? Đó là những phần nào ?	- HS nêu: Cấu tạo một bức thư gồm có 3 phần: phần đầu thư, phần chính và phần cuối thư.
4. Hoạt động sáng tạo: (1 phút)	
- Về nhà luyện viết lại bức thư cho hay hơn.	- HS nghe và thực hiện.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

.....

Thứ năm ngày 3 tháng 1 năm 2019

Tiếng Việt

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (Tiết 6)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Đọc trôi chảy, lưu loát bài tập đọc đã học, tốc độ khoảng 110 tiếng / phút; biết đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 2-3 bài thơ, đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn .

- Đọc bài thơ và trả lời được các câu hỏi của BT2 .

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng phân biệt nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ Tiếng Việt.

3. Thái độ: Biết giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

4. Năng lực:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- Giáo viên: Sách giáo khoa, Phiếu ghi tên các bài tập đọc

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở viết

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, kỹ thuật trình bày một phút, động não.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động: (3 phút)	

- Cho HS thi đọc thuộc lòng một bài thơ mà HS thích. - GV nhận xét. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS thi đọc - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động kiểm tra đọc: (15 phút) <i>*Mục tiêu:</i> Đọc trôi chảy, lưu loát bài tập đọc đã học, tốc độ khoảng 110 tiếng / phút; biết đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 2-3 bài thơ, đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn . <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Yêu cầu HS lên bảng gấp phiếu bài học - Yêu cầu HS đọc bài - GV nhận xét	- HS gấp thăm và trả lời câu hỏi - HS đọc bài - HS nghe
3. HĐ thực hành: (15 phút) <i>*Mục tiêu:</i> Đọc bài thơ và trả lời được các câu hỏi của BT2 <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS tự làm bài cá nhân - Yêu cầu HS trình bày bài a. Tìm trong bài thơ một từ đồng nghĩa với từ biên cương ? b. Trong khổ thơ 1 các từ <i>đầu</i> và <i>ngọn</i> được dùng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển ? c. Có những đại từ xưng hô nào được dùng trong bài thơ ? d. Viết một câu miêu tả hình ảnh mà câu thơ <i>Lúa lượn bạc thang mây gọi ra cho em.</i> - GV nhận xét, kết luận	- HS đọc yêu cầu đề - HS làm bài cá nhân trên phiếu, chia sẻ kết quả - Từ biên giới - Nghĩa chuyển - Đại từ xưng hô <i>em</i> và <i>ta</i> - Viết theo cảm nhận
4. Hoạt động ứng dụng: (3 phút)	
- Tìm đại từ trong câu thơ sau: <i>Cái cò, cái vạc, cái nông Sao mày giã lúa nhà ông hỡi cò Không, không, tôi đứng trên bờ Mẹ con cái vạc đổ ngò cho tôi.</i>	- HS nêu: Đại từ là <i>ông, tôi</i>
5. Hoạt động sáng tạo: (1 phút)	
- Về nhà viết một đoạn văn ngắn nói về một người bạn thân trong đó có sử dụng đại từ.	- HS nghe và thực hiện

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

*Toán***KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ I****ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....

.....

.....

*Tiếng Việt***KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ I (Đọc)****ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....

.....

.....

Thứ sáu ngày 4 tháng 1 năm 2019

*Tiếng Việt***KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ I (Viết)****ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....

.....

.....

*Toán***HÌNH THANG****I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:**

- Có biểu tượng về hình thang .
- Nhận biết được một số đặc điểm của hình thang, phân biệt được hình thang với các hình đã học .
- Nhận biết hình thang vuông .
- Học sinh làm bài 1, 2, 4 .

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng quan sát, nhận biết các hình thang khác nhau.

3. Thái độ: Yêu thích môn học.

4. Năng lực:

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo
- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

II. CHUẨN BỊ**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, giấy, thước, 4 thanh nhựa

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động:(5phút)	
<ul style="list-style-type: none"> - Cho HS thi đua nêu đặc điểm của hình tam giác, đặc điểm của đường cao trong tam giác, nêu cách tính diện tích tam giác. - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút)	
<p><i>*Mục tiêu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có biểu tượng về hình thang . - Nhận biết được một số đặc điểm của hình thang, phân biệt được hình thang với các hình đã học . - Nhận biết hình thang vuông . <p><i>*Cách tiến hành:</i></p>	
<p><i>*Hình thành biểu tượng về hình thang</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV vẽ lên bảng "cái thang" - Hãy tìm điểm giống nhau giữa cái thang và hình ABCD - GV: Vậy hình ABCD giống cái thang được gọi là hình thang. <i>* Nhận biết một số đặc điểm của hình thang.</i> - Cho HS thảo luận nhóm 4, nhận biết đặc điểm của hình thang, chẳng hạn như: + Hình thang ABCD có mấy cạnh? + Các cạnh của hình thang có gì đặc biệt? + Vậy hình thang là hình như thế nào? + Hãy chỉ rõ các cạnh đáy, các cạnh bên của hình thang ABCD 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát - Hình ABCD giống như cái thang nhưng chỉ có 2 bậc - HS thảo luận, chia sẻ trước lớp - Hình thang ABCD có 4 cạnh là AB, BC, CD, DA. - Hình thang là hình có 4 cạnh trong đó có 2 cạnh song song với nhau - Hình thang là hình có 4 cạnh trong đó có 2 cạnh song song với nhau - Hai cạnh đáy AB và DC song song với nhau.

<ul style="list-style-type: none"> - GVKL : Cạnh AB gọi là cạnh đáy bé, cạnh CD gọi là đáy lớn - GV kẻ đường cao AH của hình thang ABCD + AH gọi là đường cao. Độ dài AH gọi là chiều cao. + Đường cao AH vuông góc với 2 đáy AB và CD - Yêu cầu HS nhắc lại đặc điểm của hình thang 	<ul style="list-style-type: none"> - Hai cạnh bên là AD và BC - HS quan sát - HS nhắc lại
<p>3. HĐ thực hành: (15 phút) <i>*Mục tiêu</i> Học sinh làm bài 1, 2, 4 . <i>*Cách tiến hành:</i></p>	
<p>Bài 1: Cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS làm bài, chia sẻ kết quả - GV nhận xét, kết luận - Vì sao H3 không phải là hình thang? <p>Bài 2: Cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS làm bài - GV nhận xét , kết luận - Trong 3 hình, hình nào có 4 cạnh, 4 góc ? - Hình nào có 2 cặp cạnh đối diện// ? - Hình nào có 4 góc vuông? - Trong 3 hình hình nào là hình thang <p>Bài 4: Cặp đôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV vẽ hình, cho HS thảo luận cặp đôi theo câu hỏi: - Đọc tên hình trên bảng? - Hình thang ABCD có những góc nào là góc vuông ? - Cạnh bên nào vuông góc với 2 đáy? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề - HS tự làm bài vào vở, chia sẻ kết quả - Các hình thang là H1, H2, H4, H5, H6 - Vì H3 không có cặp cạnh đối diện song song - HS đọc đề - HS làm bài vào vở, chia sẻ kết quả - Cả ba hình đều có 4 cạnh, 4 góc - H1 và H2 có 2 cặp cạnh đối diện//, còn H3 chỉ có một cặp cạnh đối diện // - Hình 1 - H3 là hình thang - HS quan sát và trả lời câu hỏi - Hình thang ABCD - Có góc A và góc B là 2 góc vuông - Cạnh bên AD vuông góc với đáy AB và